

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh” trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”; Quyết định số 462/QĐ-TTg ngày 22/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; Văn bản số 3751/HD-BNV ngày 16/6/2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong triển khai thực hiện phong trào “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch hành động số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 21/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt Bộ Chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Bộ tiêu chí Thôn số, Thôn thông minh tạm thời trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Phong trào thi đua) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát động phong trào thi đua sâu rộng trên toàn tỉnh nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, người dân trong việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh vào thực tiễn quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh và đời sống.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 462/QĐ-TTg ngày 22/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ; các kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh thành các nội dung, chỉ tiêu, mô hình, công trình, phần việc cụ thể, thiết thực, có khả năng kiểm đếm và đánh giá.

- Tạo chuyển biến rõ rệt trong xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi xanh theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải, nâng cao chất lượng tăng trưởng và hiệu quả quản trị. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và động lực của phong trào thi đua; lấy hiệu quả phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá kết quả thực hiện.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong các lĩnh vực: Kinh tế cửa khẩu, logistics, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến và thương mại điện tử; đồng thời từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nhất là khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và địa bàn khó khăn.

2. Yêu cầu

- Phong trào thi đua phải được tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; gắn chặt với nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030. Nội dung thi đua phải cụ thể, thiết thực, xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra và tiêu chí đánh giá; bảo đảm “rõ việc, rõ người, rõ thời gian, rõ kết quả”, thuận lợi trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá. Các chỉ tiêu thi đua được xây dựng theo hướng có thể đo lường, kiểm đếm; bảo đảm tính minh bạch, so sánh và đánh giá theo từng năm.

- Gắn kết chặt chẽ phong trào thi đua này với các chương trình, kế hoạch, phong trào đang triển khai trên địa bàn tỉnh; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, không trùng lặp, không hình thức, không dàn trải. Ưu tiên tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá, có khả năng tạo chuyển biến rõ rệt, nhất là trong hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nâng cao kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng môi trường sống.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; bảo đảm việc đánh giá, khen thưởng thực chất, công khai, minh bạch, đúng quy định; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay, sáng tạo.

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THI ĐUA

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đến năm 2030, Phong trào thi đua là động lực thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trên địa bàn toàn tỉnh; góp phần xây dựng chính quyền số tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát triển kinh tế số, xã hội số theo hướng bao trùm; nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh, khả năng thích ứng và tính bền vững của nền kinh tế tỉnh Lào Cai.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII): Phấn đấu nâng cao thứ hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh theo hướng bền vững, thực chất; trong đó, đến năm 2030, thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; đồng thời, tăng tối thiểu 08 bậc so với thứ hạng năm 2025.

b) 100% sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phong trào thi đua hằng năm; xác định rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tiễn.

c) 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh xử lý công việc trên môi trường số; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và khai thác hiệu quả dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

d) Hằng năm, mỗi sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập có ít nhất 01 mô hình, sáng kiến, giải pháp, công trình hoặc phần việc tiêu biểu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hoặc chuyển đổi xanh, bảo đảm tính ứng dụng và khả năng nhân rộng.

đ) Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình tiêu biểu, phù hợp với điều kiện của tỉnh, như: chính quyền số cấp cơ sở; xã, phường số; thôn, tổ dân phố số; “Người bản số”; du lịch thông minh; cửa khẩu số, logistics số; nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp số, hợp tác xã số; cơ quan xanh, trường học xanh, bệnh viện xanh.

e) Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cho người dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng; ưu tiên hỗ trợ các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm triển khai chuyển đổi số toàn diện, bao trùm.

g) Tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội; từng bước nâng cao tỷ trọng kinh tế số theo các mục tiêu, chỉ tiêu đã được tỉnh xác định.

3. Phạm vi và đối tượng thi đua

- Phong trào thi đua được triển khai trên phạm vi từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Các sở, ban, ngành; cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang; Ủy ban nhân dân cấp xã và các thôn, bản, tổ dân phố; các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, nông nghiệp, công thương, tài nguyên và môi trường; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh; tổ công nghệ số cộng đồng và các tập thể, cá nhân có đóng góp thiết thực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Thi đua đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực quản trị

a) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong phát triển nhanh và bền vững của tỉnh; bảo đảm 100% cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai và đăng ký chỉ tiêu thi đua hằng năm.

b) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng đơn giản, minh bạch, số hóa, liên thông; phấn đấu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến, trong đó tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 80 - 90% vào năm 2030.

c) Đẩy mạnh quản trị hiện đại, quản lý theo mục tiêu, theo dữ liệu và kết quả đầu ra; phấn đấu $\geq 90\%$ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thực hiện phi tiếp xúc; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% cơ quan nhà nước thực hiện quản lý, điều hành trên môi trường số; gắn kết quả phong trào thi đua với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

2. Thi đua phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số

a) Đầu tư, nâng cấp, khai thác hiệu quả hạ tầng số, hạ tầng kết nối; bảo đảm tỷ lệ phủ sóng 5G đạt $\geq 90\%$, tỷ lệ phủ sóng 4G đạt 100% vào năm 2030; từng bước phát triển hạ tầng số hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện.

- 100% thôn, bản, tổ dân phố được cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cố định; tỷ lệ hộ gia đình thực tế sử dụng dịch vụ đạt $\geq 85\%$; tỷ lệ hộ gia đình truy cập Internet băng rộng cố định với tốc độ cao đạt $\geq 80\%$.

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được số hóa, chuẩn hóa và kết nối, chia sẻ thông qua nền tảng LGSP của tỉnh và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- 100% dữ liệu chỉ đạo, điều hành được cập nhật trên Kho dữ liệu chung của tỉnh; cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

b) Chuẩn hóa, số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu; phấn đấu $\geq 80\%$ dữ liệu của các cơ quan nhà nước được kết nối, chia sẻ; $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu được số hóa, tích hợp và khai thác hiệu quả; hình thành nền tảng dữ liệu dùng chung toàn tỉnh.

c) Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số mới; phân đầu $\geq 80\%$ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước vận hành trên nền tảng số, nền tảng điện toán đám mây; $\geq 80\%$ dữ liệu được tích hợp, chia sẻ qua nền tảng LGSP phục vụ chỉ đạo, điều hành.

3. Thi đua phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

a) Tăng chi ngân sách cho khoa học và công nghệ đạt khoảng 1-1,5% tổng chi ngân sách; chủ động đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với yêu cầu thực tiễn; mỗi năm triển khai tối thiểu 20-25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Tỷ lệ nhiệm vụ, đề tài khoa học, công nghệ có hàm lượng công nghệ đạt $\geq 10\%$ hàng năm; Tối thiểu 70% nhiệm vụ, đề tài được ứng dụng vào thực tiễn trong vòng 01 năm sau nghiệm thu, trong đó $\geq 50\%$ gắn với doanh nghiệp.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh đạt $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ hợp tác xã sử dụng nền tảng số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh đạt $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách.

- 100% các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có phân tích chi phí - lợi ích, gắn với tiêu chí hiệu quả kinh tế số.

b) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; đến năm 2030 có trên 50 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hình thành các trung tâm, không gian đổi mới sáng tạo.

c) Khuyến khích ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng tỷ lệ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ứng dụng thực tiễn đạt trên 60%; tăng số doanh nghiệp khoa học và công nghệ, số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

4. Thi đua phát triển kinh tế số theo lợi thế của tỉnh

a) Phát triển kinh tế cửa khẩu số, logistics số, thương mại điện tử, thanh toán số; phân đầu kinh tế số chiếm khoảng $\geq 20\%$ GRDP của tỉnh vào năm 2030. Phát triển du lịch thông minh, nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh số hóa chuỗi giá trị sản xuất, tiêu thụ.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số; phân đầu $\geq 50\%$ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh; $\geq 70\%$ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia thương mại điện tử.

5. Thi đua chuyển đổi xanh, phát triển bền vững

a) Đẩy mạnh sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính; phát triển kinh tế tuần hoàn, sản xuất và tiêu dùng bền vững. Triển khai các mô hình “cơ quan xanh”, “doanh nghiệp xanh”, “du lịch xanh”; phân đầu mỗi địa phương xây dựng và duy trì ít nhất 01 mô hình chuyển đổi xanh tiêu biểu.

b) Tăng tỷ lệ tái chế, xử lý chất thải; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Thi đua phát triển xã hội số, kỹ năng số, công dân số

a) Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”; nâng cao năng lực số cho toàn dân; phấn đấu $\geq 90\%$ dân số trưởng thành có kỹ năng số cơ bản; các nền tảng số với mục tiêu “3 an”: an ninh, an toàn và an dân.

b) Đẩy mạnh sử dụng dịch vụ số; phấn đấu $\geq 90\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử; tăng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, thương mại điện tử.

c) Phát triển xã hội học tập số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, y tế, đời sống xã hội.

7. Thi đua bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

a) Nâng cao năng lực bảo vệ dữ liệu, an toàn hệ thống thông tin; phấn đấu 100% hệ thống thông tin quan trọng được bảo đảm an toàn theo quy định.

b) Chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố an toàn thông tin; tăng cường kiểm tra, giám sát, diễn tập an ninh mạng.

c) Xây dựng văn hóa số an toàn; phấn đấu $\geq 90\%$ cán bộ, công chức, viên chức và người dân được tuyên truyền, tập huấn kỹ năng an toàn thông tin.

8. Tiêu chí đánh giá kết quả phong trào thi đua

a) Đối với tập thể

- Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện phong trào bảo đảm kịp thời, cụ thể, phù hợp thực tiễn.

- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu và sản phẩm đầu ra theo kế hoạch; kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Hiệu quả huy động nguồn lực, phối hợp liên ngành, xã hội hóa; khả năng tạo chuyển biến thực chất, giải quyết điểm nghẽn, tác động tích cực đến người dân, doanh nghiệp.

- Số lượng, chất lượng mô hình, sáng kiến, giải pháp, công trình tiêu biểu; khả năng duy trì, nhân rộng, lan tỏa.

- Kết quả theo các chỉ số đánh giá: Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII); Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

b) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã:

- Mức độ đổi mới công nghệ, ứng dụng số, quản trị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

- Mức độ tham gia phong trào thi đua; phối hợp với cơ quan nhà nước; hỗ trợ cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội; đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Đối với cá nhân:

- Tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ; có sáng kiến, giải pháp, đề tài, mô hình hoặc thành tích nổi bật, thiết thực, hiệu quả.

- Mức độ đóng góp vào kết quả chung của cơ quan, đơn vị, địa phương; khả năng lan tỏa, hướng dẫn, hỗ trợ cộng đồng và nhân rộng cách làm hay.

9. Các hình thức khen thưởng

- Khen thưởng theo năm; khen thưởng theo đợt/chuyên đề; khen thưởng đợt xuất; khen thưởng tổng kết giai đoạn.

- Hình thức khen thưởng: Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời xem xét đề nghị khen thưởng cấp trên đối với điển hình xuất sắc theo quy định.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Phong trào thi đua được triển khai từ năm 2026 đến hết năm 2030, chia thành 02 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (từ tháng 5/2026 đến tháng 12/2027)

a) Ban hành kế hoạch, văn bản hướng dẫn, chế độ thông tin báo cáo. Tổ chức quán triệt, phát động và đăng ký thi đua, triển khai đồng bộ trong toàn tỉnh.

b) Lựa chọn và xây dựng mô hình điểm; ưu tiên các mô hình có tính dẫn dắt như “Người bản số”, tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, chính quyền số cấp cơ sở, mô hình du lịch thông minh, nông nghiệp số, mô hình cơ quan xanh.

c) Tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm tháng 12/2027.

2. Giai đoạn 2 (từ tháng 01/2028 đến tháng 12/2030)

a) Tiếp tục triển khai sâu rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua. Nhân rộng mô hình hiệu quả; thúc đẩy các nội dung chuyên sâu về dữ liệu số, ứng dụng AI, kinh tế số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, khu vực công và cộng đồng.

b) Tổ chức tổng kết vào quý IV năm 2030, cùng với Đại hội thi đua tỉnh lần thứ II, năm 2030.

V. CÁC GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các giải pháp thực hiện

a) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện phong trào thi đua; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; gắn kết quả thực hiện với công tác kiểm tra, đánh giá và xếp loại cuối năm.

b) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, cổng/trang thông tin điện tử và hệ thống truyền thanh cơ sở; nội dung, hình thức tuyên truyền bảo đảm thiết thực, dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là người dân vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi triển khai. Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia phong trào thi đua.

c) Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh; đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, mô hình điểm, sáng kiến có khả năng nhân rộng.

d) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về quản trị số, dữ liệu số, an toàn thông tin, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng công nghệ số.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức sơ kết giai đoạn 2026-2027, tổng kết giai đoạn 2026-2030; biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

2. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn về tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; phối hợp kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết phong trào;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các mô hình, sáng kiến, giải pháp... theo quy định.

b) Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu, phối hợp thực hiện các nội dung chuyên môn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chủ trì tổng hợp mô hình, sáng kiến, kết quả tiêu biểu để tham mưu sơ kết, tổng kết và nhân rộng.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì tham mưu các nội dung liên quan đến chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn; phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện trong lĩnh vực phụ trách.

d) Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương; hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

đ) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thuộc các Khối thi đua

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể; tổ chức triển khai các nội dung thi đua chuyên ngành, chuyên đề gắn với phát triển du lịch thông minh, thương mại điện tử, công nghiệp chế biến, giáo dục số, y tế số, đào tạo kỹ năng số, xã hội số và chuyển đổi xanh...

e) Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; tổ chức phát động, đăng ký thi đua, triển khai các mô hình điểm và nhân rộng cách làm hiệu quả.

- Chỉ đạo phát huy vai trò tổ công nghệ số cộng đồng, mô hình “Người bản số”, thôn số, tổ dân phố số; hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, thương mại điện tử và các nền tảng số thiết yếu.

g) Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh

Chủ động xây dựng kế hoạch tham gia phong trào thi đua; tập trung đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; đồng hành cùng chính quyền trong đào tạo, hỗ trợ cộng đồng và phát triển các mô hình kinh tế số tại địa phương.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào thi đua; phát hiện, giới thiệu và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

4. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc các Khối thi đua của tỉnh: Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Phong trào thi đua này trong nội dung báo cáo tổng kết thi đua của năm kế hoạch, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Báo cáo sơ kết giai đoạn 2026-2027; báo cáo tổng kết giai đoạn 2026-2030 thực hiện theo hướng dẫn sơ kết, tổng kết của cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ,
- Ban TĐKT Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị địa phương thuộc 21 Khối thi đua của tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị,
Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Anh